

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ (%)	Thời gian	Tỉ lệ (%)	Thời gian	Tỉ lệ (%)	Thời gian	Tỉ lệ (%)	Thời gian	Tỉ lệ (%)	Thời gian
1	Listening	10	10	10	10					20	20
2	Speaking			10	5	10	5			20	10
3	Language	20	20							20	20
4	Reading	10	10	10	10					20	20
5	Writing					10	5	10	15	20	20
<b>Tổng</b>		<b>40</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>100</b>	<b>90 p</b>
<b>Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức</b>		<b>40</b>		<b>30</b>		<b>20</b>		<b>10</b>			
<b>Tỉ lệ % chung</b>		<b>70</b>				<b>30</b>					

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm và tự luận được quy định rõ trong hướng dẫn chấm.
- Phần Speaking: tổ chức kiểm tra riêng, mỗi học sinh có 10 phút chuẩn bị và 5 phút thực hiện bài nói.

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2**  
**MÔN: TIẾNG ANH 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng Số CH	
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
				T N	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
A.	LISTENING	<p><b>1. Nghe hiểu được nội dung chính và chi tiết một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 120-140 từ liên quan đến các chủ đề đã học.</b> <b>Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án A, B, C, D. (hoặc T/F, điền từ)</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b> - Nghe lấy thông tin chi tiết về: + giao thông, phương tiện đi lại. + các thể loại phim ảnh và diễn viên nổi tiếng. + các lễ hội của địa phương và trên thế giới. + Các nhóm, nguồn năng lượng trên toàn cầu. + Các hình thức, phương tiện du lịch trong tương lai. + Các địa điểm, khu vực, thành phố đông dân trên thế giới.</p>	5								5	
		<p><b>2. Nghe hiểu được nội dung chính và chi tiết một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 120-140 từ liên quan đến các chủ đề đã học.</b> <b>Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu. (hoặc T/F hoặc (MCQs))</b></p>	<p><b>Thông hiểu:</b> - Nghe hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại về chủ đề đã học từ đó xác định được một câu nói là đúng hay sai (T/F) hoặc điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống (gap-filling) hoặc chọn thông tin đúng để trả lời cho câu hỏi (MCQs)</p>				5						





		<b>2. Reading comprehension</b> <i>- Skills: Read a passage of about 120-150 words for general or specific information.</i>	<b>Thông hiểu:</b> + Học sinh có thể hiểu, phân tích, trả lời được câu hỏi.				5					5
E.	WRITING	<b>1. Sentence transformation</b>	<b>Viết lại câu</b> <b>Vận dụng:</b> + Chuyển câu sử dụng các cấu trúc câu “used to” I always went to.... ->I used to...; ..... + Chuyển câu sử dụng các cấu trúc Passive voices. + Chuyển câu sử dụng các cấu trúc Connectors: although/ despite.... + Chuyển câu sử dụng các cấu trúc Câu hỏi đuôi.					5				5
		<b>2. Write complete sentences</b>	<b>Viết câu sử dụng từ trong ngoặc</b> <b>Vận dụng:</b> + Nắm rõ cấu trúc câu đã học và viết được câu hoàn chỉnh.					5				5
		<b>3. Thematic writing</b> <i>- Viết theo mẫu /hoặc có gợi ý một số kiểu văn bản có độ dài khoảng 60-80 từ về nội dung liên quan đến các chủ đề đã học hoặc để phục vụ các nhu cầu giao tiếp cá nhân và xã giao đơn giản.</i>	<b>Viết đoạn văn.</b> <b>Vận dụng cao:</b> - Sử dụng các kiến thức tổng hợp để viết một trong các nội dung: + giao thông, phương tiện đi lại. + các thể loại phim ảnh và diễn viên nổi tiếng. + các lễ hội của địa phương và trên thế giới. + Các nhóm, nguồn năng lượng trên toàn cầu. + Các hình thức, phương tiện du lịch trong tương lai. + Các địa điểm, khu vực, thành phố đông dân trên thế giới.							1 bài		1 bài

<i>Tổng</i>			25	5		10 +2 bài		10 +1 bài		1 bài	25	25 +4 bài
<b>Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức</b>			40%		30%		20%		10%		50 câu + 4 bài	
<b>Tỉ lệ chung</b>			70%				30%				100%	